



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 54943

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Tran Huu Vinh
Last Middle First

Current Address 351/56A, Nguyen Van Troi, Q3, Ho Chi Minh

Date of Birth 10/05/39 Place of Birth Saigon

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/14/75 To 09/05/80 (5yrs)

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

Tran Van Thien,
Oklahoma City, OK 73132

Brother

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 6-3-89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES :	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

9. 24. 84

Thưa Anh Chị

Hồ sơ TRẦN HUU
VINH là em của

Ông xã tôi, có đầy
đủ hồ sơ, giấy
xuất trình và lý lịch
nhà binh.

Tôi xin nhờ anh
sponsored cho chú ấy
và gia đình, tôi biết anh rất tốt.

Tôi còn thêm 1 chú
em chồng nữa mà tìm số
quân chưa ra - hôm
nào lại lần nữa anh chị
mình.

Ba ta
liên

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

 OPR ID # 524
 RUN DATE: 11/01/82
 PAGE NO. 919

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 054943 054943

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

Name: TRAN HUU VINH

Name: ODP APPLICANT

Other names used:

DOB: (maddy) / / COE

Sex: M DOB: (maddy) 05/10/39 COE: VV

Address:

Address in Vietnam:

Telephone (Home): / / (Business): / /

351/56A NGUYEN VAN TROI, P.23, Q.3

Category: REF PRA USC

T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

ACCOMPANYING RELATIVES

NAME	Sex	DOB				Rel.	COE	FALCON				Documentation				OTHER
		M/Y	MM	DD	YY	FI		MM	DD	YY	BC	BCT	MC	MCT	GVN	PHOTO
1. TRAN HUU VINH	M	05	10	39		PA	VN									
2. NGUYEN THI NGOC AN	F	00	00	43		W1	VN									
3. TRAN THI MY NGOC	F	00	00	65		GA	VN									
4. TRAN HUU NGHIA	M	00	00	67		SO	VN									
5. TRAN HUU DUC	M	00	00	70		SO	VN									
6.																
7.																
8.																
9.																
10.																
11.																
12.																
13.																
14.																

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

SYMBOL: 3E Priority Category: / / Rel Sponsor to PA: / 130 AGR AOS BC BCT MC MCT GVN PHOTO OTHER

VENL: 41 SPV: 41 JULY

USG Empl/Training (Cat 2): / / / to / /

Pvt US Empl/Training (Cat 3 AC): / / / to / /

GVN/RVNAP SVC: US Combat AND: Refd Camps: / / / to / /

CAT 1 PRT: / / / FLUP: / / / OTHER:

CAT 2/3 PRT: / / / FLUP: / / / OTHER:

Replist BY: ONE / / / LOI Sent: / / / NOTIFIED OF EXIT PERMIT: / / / PERMIT # FEEDBACK LIST

OTHER ACTION:

VOLAG NAME:

VOLAG ASSURE SOUGHT: / / / RECD: / / / V R: / / / XAN: / / / RECD: / / / PRC: / / /

POSSIBLE DUPE: / / /

REP IV: 41

HO CHI MINH City

20 Sept. 1983

EDP 10# 54943

TO : ORDERLY - DEPARTURE - OFFICE
 SUBJECT : APPLICATION FOR EMIGRATION TO THE U.S.A.
FOR FORMER A.R.V.N. OFFICER.

Dear Sir,

I the undersigned TRAN-HUU-VINH
 Date and place of birth : 10.5.1939 in Saigon
 Nationality : Viet-Nam, Sex : Male
 A.R.V.N. Rank: Major. Military serial # 59/151700
 Permanent residing address : 351/56 A Nguyen-Văn-Trôi
 Phường 23, QUẬN 3, HO CHI MINH City, V.
Service status : 1959 - 1960: Cadet of Thu Duc Officer
 School
 1961-1963: W.O. + 2nd Lieut Signal-Branch.
 1964-1969: 1st Lieut + Captain Signal -
 Branch
 1969-1970: 3 months attended the Staff +
 Commanding School + 1 year in A.T.T.
 1971-1973: Major-66th ARVN Signal-Group
 Deputy Commander
 1973-1975: Major Signal-School.

Dear Sir,

I have been learnt that the U.S. Government had
 allowed people whose ever service as formers close with
 A.R.V.N. are authorized to request for emigration to the
 U.S.A. (O.D.P. Article 80).

Therefore, I am honour to request your humanitarian
 act and to intervence with the U.S. Government for taking
 into consideration my case in order my family and I listed
 below be permitted to leave VietNam under your protection
 and arrangement due to our difficulty situation and the
 purpose of family-reunification.

My family is consist of :

Full name	D.O.B.	Relationship	Address
TRAN-HUU-VINH	1939	Head of family (myself)	351/56A Nguyen-Văn-Trôi
TRAN-HUU-VINH NGOC ANH	1943	My wife	Trôi, Phường 23,
TRAN THU MY NGOC	1965	Daughter	Quận 3, Ho Chi Minh City
TRAN THU CHIEA	1967	Son	VietNam
TRAN HUU HIEU	1970	Son	

My relatives in foreign country to be sponsor if necessary

1- BROTHER, TRAN-VXN	U.S. citizen	OKLAHOMA
2- SISTER, TRAN-VXN	U.S. citizen	Groeta LA 70055

Your approval will be our greatly appreciated.

We hope to hear from you day by day.

Faithfully yours,

uuu

TRAN HUU VINH

I enclose herewith
 a copy of readaction
 release decision

BỘ NỘI VỤ
Trại : XUÂN PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Số : 313 /CPT

OC37 79 CMLH.2

GIẤY RA TRẠI

CDP IV# 54943

Theo thông tư số : 966-BCA ngày 31 tháng 5 năm 1961
của : Bộ Nội Vụ
Thi hành quyết định tha số : 122/QĐ ngày 25 tháng 8 năm 1980
của : Bộ Nội Vụ
May cấp giấy tha cho anh chị có tên sau đây :
Họ và tên khai sinh : TRẦN HỮU VINH
Họ tên thường dùng :
Họ tên bí danh :
Ngày sinh : 10 tháng 5 năm 1939 - Nơi sinh : Saigon
Nơi ĐKMKTT; trước khi bị bắt : 351/56A Nguyễn Văn Trỗi - Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh.

Can tội : Thiếu Tá (ngụy) huấn luyện viên trưởng truyền tin
Bị bắt ngày : 14 tháng 6 năm 1975 - Án phạt : 03 năm tập trung
Theo quyết định số : 203 ngày 8 tháng 12 năm 1978
của : Bộ Nội Vụ

Đã bị tăng án lần cộng thành năm
Đã được giảm án lần cộng thành năm
May về cư trú tại : 351/56A Nguyễn Văn Trỗi - Quận 3 - TP.H.C.M.

Nhận xét quá trình cải tạo :
Tự tương : Ít định được tội lỗi chịu sự cải tạo. Lao động có cố gắng đảm bảo ngày công. Học tập tiếp thu tốt tham gia đầy đủ nội quy chấp hành nghiêm ít sai phạm.

Bê nghị UBND, Công An các cấp gần cơ sở tiếp xúc đặc điểm ở địa phương. Tính chất & tội lỗi và thái độ cải tạo của đương sự mà quy định nơi cư trú (quan, chế 12 tháng không cho cư trú trong thành phố). Và tiến hành các biện pháp quản lý quan chế khác cho thích hợp. Nhằm tạo điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống trở thành người công dân lương thiện.

Lên tay ngón trỏ phải
của : Trần Hữu Vinh
Danh ban số : 3926
Lập tại : Xuân Phước

Họ tên chữ ký
Người được cấp giấy
(Ký tên)
Trần Hữu Vinh

Ngày 05 tháng 9 năm 1980

Giám Thị
(Ký tên đóng dấu)
Trưng Tá : Đinh Huy Yên

Số 785/DS

CHỨNG NHẬN GIỒNG Y BẢN CHÍNH

Nước : Việt Nam, UBND Phường 12/7/80

Ngày 09 tháng 8 năm 1980

TH. UBND P.23/Q.3

XÁC NHẬN
Anh TRẦN HỮU VINH cơ HT
về đến cơ quan trình báo
ngày 15/9/80

TH. CA P.23/Q.3
(Ký tên đóng dấu)
PHẠM NGỌC HIẾU

Sở Công An TP. Hồ Chí Minh
BÁ TRƯNG DIỄN
Ngày 03 tháng 11 năm 1980
PHÒNG Q.L.T.A



NGUYỄN LƯƠNG

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP # 54943

Date: 20 Sept. 1983
Ngày: _____

A. Basic Identification Data
Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, Tên : TRẦN HỮU VINH
2. Other Names
Họ, Tên Khác : None
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 10.05.1939 in Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ Thường-trú : 351/56 A street Nguyễn-Văn-Trỗi, Quận 3
City Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ Thư-tử : I.- TRẦN HỮU TÀI Gretna
LA 70055 U.S.A.
2.- TRẦN HỮU VINH 351/56 A Street Nguyễn-văn-Trỗi/3
City Hồ Chí Minh.
6. Current Occupation
Nghề-Nghiệp : Major (Signal School)

B. Relatives To Accompany Me
Bà Con Cũng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Phái	MS Tình Trạng Gia-Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. <u>TRẦN HUU VINH</u>	<u>10.5.39</u>	<u>Saigon</u>		<u>Head of family</u>	<u>(Myself)</u>
2. <u>NGUYỄN THỊ NGỌC AN</u>	<u>11.7.43</u>	<u>Cholon</u>		<u>My wife</u>	
3. <u>TRẦN THỊ MỸ NGỌC</u>	<u>08.9.65</u>	<u>Saigon</u>		<u>Single</u>	<u>Daughter</u>
4. <u>TRAN HUU NGHIA</u>	<u>19.2.67</u>	<u>Saigon</u>		<u>Single</u>	<u>Son</u>
5. <u>TRAN HUU DUC</u>	<u>22.10.70</u>	<u>Saigon</u>		<u>Single</u>	<u>Son</u>
6.					
7.					
8.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I. below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam
Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

1. Closest Relative In the U.S.
Bà Con Thân Thuộc Nhất Ở Hoa-Kỳ

- a. Name
Họ, Tên : 1. ~~TRẦN~~ TRẦN, VAN THIEN
2. TRẦN HỮU TÀI
- b. Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình : Blood ~~brother~~ brother
Brother
- c. Address
Địa-Chỉ : I. ~~OKLAHOMA~~ OKLAHOMA
City OK 73132 - U.S.A.
2. Gretna LA 70055 U.S.A.

2. Closest Relative in Other Foreign Countries/
Bà Con Thân-Thuộc Nhất ở Các Nước Khác

a. Name

Họ, Tên

:

b. Relationship

Liên-Hệ Gia-Đình

:

c. Address

Địa-Chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)

Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

Name
Họ, Tên

Address
Địa-Chỉ

1. Father
Cha : TRAN VAN PHAI (D) 468 / 40 Nguyen Tri Phuong/O.10 City
Ho Chi Minh
2. Mother
Mẹ : KHAU THI NUONG (L) -!!-
3. Spouse
Vợ/Chồng: NGUYEN THI NGOC AN 351/56A Nguyen-Van-Trôi/3 City Ho Chi
Minh South VN.
4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng Trước (nếu có): None
5. Children
Con Cái :

(1)	TRAN THI MY NGOC	08.9.65	Saigon	Daughter
(2)	TRAN HUU NGHIA	19.2.67	"	Son
(3)	TRAN HUU ĐỨC	22.10.70	"	Son
(4)				
(5)				
(6)				
(7)				
(8)				
(9)				
(10)				

6. Siblings

Anh Chị Em:

- (1) THIEN TRAN VAN US Citizen
- (2) OKLA OK 73139 U.S.A.
- (3) TRAN THI HIEN 468/40 Nguyen Tri Phuong /10
City Ho Chi Minh South V.N.
- (4) -!!-
- (5) TRAN HUU PHUOC
- (6) TRAN QUANG SANG Street 18 Quan 8 số 8
- (7) TRAN HUU TAI
- (8) GRETN LA 70053 U.S.A.
- (9)
- (10)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã có Làm Việc cho Công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1. Name of Person Employed:

Họ Tên Nhân-Viên:

2. Dates:

From:

To:

Ngày, Tháng, Năm

Từ:

Tới:

1

2

3

4

3. Title of (Last) Positions Held
Chức-vụ Công-Việc : 1 1959-1960: Cadet of Thủ Đức Officer School
2 1961-1963 : W.O. #204 1st Lt. Signal Branch.
3 1964-1969 : 1st Lieut + Captain Signal-Branch
4 1969-1970 : 3 months attended the Staff +
Commanding School + 1 year in A.F.L.S.
1971-1973 : Major-66th ARVN Signal-Group
Deputy Commander
1973-1975 : Major Signal School.
4. Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : 1
2
3
4
5. Name of (Last) Supervisor
Tên Họ Người Giám-Thị : 1
2
3
4
6. Reason for Leaving
Lý-Do Ra Đi : 1 Our difficulty situation to leave VietNam
2 Our purpose of family reunification
3
4
7. Training for Job in Vietnam:
Nghề-Nghiệp Huấn Luyện tại Việt-Nam:

F Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ Tên Người Tham-Gia : TRAN HUU VINH (Myself)
2. Dates:
Ngày, Tháng, Năm From: 07.10.59 To: 30.04.1975
Từ : 07.10.59 Tới: 30.04.1975
3. Last Rank
Cấp-bậc Cuối-Cùng : MAJOR
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị/Binh-Chúng : Signal School (Vũng Tàu)
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan Chỉ-Huy : - Col. PHAM HI DUNG
- Col CAO MANH THẮNG
6. Reason for Leaving
Lý do Ra Đi : - Difficulty situation to leave VietNam
- Purpose of family reunification.
7. Names of American Advisor(s):
Họ Tên Cố-Vấn Mỹ : MAJOR COOPER Signal Advisor
Unit Battallion 62I
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-Kỹ Support Sig (Qui-Nhon)
Tại Việt-Nam : 12 Months Language English School
9. U.S. Awards or Certificates :
Giấy Ban-Khen Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỹ Cấp: -

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No)
(CHÚ-Ý: Xin bạn Kèm Theo Bất cứ Văn-Băng, Giấy Ban-Khen, hoặc Chứng-Thư nếu có.
Đương sự có không? Có Không NO)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vợ/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ Tên Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường : _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, Tháng, Năm Từ : _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-Tả Ngành Học : _____
5. Who paid for training? :
Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không NO)

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vợ/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : TRAN HUU VINH (Myself)
2. Total time in Reeducation:
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 05 years 03 months 01 days
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 05 năm 03 tháng 01 Ngày
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo?* Có Không no still in reeducation

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?
Cước-Chủ Phụ Thuộc

Signature
Ký Tên :

Date
Ngày: 20 Sept. 1983

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy-tờ Kèm Theo với số Câu Hỏi Này

I enclose herewith

- I copy of reeducation release decision
- 5 birth certificates
- I copy certificate of marriage

QDP → Ref: IV

54943

REPUBLIC OF VIETNAM
DEPARTMENT OF JUSTICE

THE CLERK OFFICE OF SAIGON

JUDICIARY SERVICE OF
THE SOUTH VIETNAM.

EXTRACT OF BIRTH REGISTER AT SAIGON

YEAR 1939

No : 2285

Child's name	TRAN HUU VINH
Sex	Male
Date of birth	May 10, 1939 at 3:30 o'clock
Place of birth	Saigon, Kitchener Boulevard, No. 34
Father's name	TRAN VAN PHAI
Father's occupation	Secretary
Father's residence	Saigon, Colonel Grimaud Driveway
Mother's name	KHAU THI NUONG
Mother's occupation	None
Mother's residence	Saigon, Colonel Grimaud Driveway
Wife's rank	Legitimate

We, Luong Duc HOP Head Judge of
The Clerk Officer of Saigon
certify the authenticity of the
signature of Tran Thi Canh
Head Clerk of the Local Court.
Saigon, June 28, 1967
Signed and Sealed

Extract from the original
Saigon, June 28, 1967
Signed and sealed

I hereby certify to the best of my knowledge
and belief that the foregoing translation of
the above statement is true and accurate.

Oklahoma City, August 2, 1982
For the Vietnamese American Association.

Pham, Quan

Pham Quan
Employment Director

Subscribed and sworn to before me
this 2 day of August 1982.

Charles C. Muzny

Charles C. Muzny

My Commission Expires Feb. 17, 1985

PHÒNG LỤC-SỰ' TOÀ SỞ-THẨM SAIGON^{7/TH}

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH SAIGON
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHÂN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1936
(Année)

SỐ HIỆU 2225
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TRẦN HỮU VINH
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	le dix mai mil neuf cent trente
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	neuf à trois heures trente. Saigon Boulevard Kitchener no-34
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	TRẦN VĂN THÁI
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Secrétaire
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon passage Colonel Grimaud
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	KHÁU THỊ HUỆNG
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon, passage Colonel Grimaud
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	premier rang.

Chúng tôi, Lương Văn Hợp
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Trần-thị-Huệ
(M)
(M)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Saigon, ngày 12/5/1936
T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÂN.

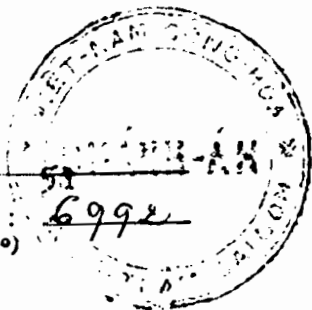
Trích y bốn chánh :
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 12/5/1936

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền :
(Coût)
Biên-lai số : 6992
(Quittance No)



NAME OF THE HUSBAND	TRAN HUU VINH
Occupation	First Lieutenant
Date of birth	May 10, 1939
Place of birth	Saigon
Residency	Phu Nhuan, 226/4B Dong Ba
Husband father's name	TRAN VAN PHAI
husband mother name	KHAU THI NUONG
NAME OF THE WIFE	NGUYEN THI NGOC AN
Occupation	Student
Date of birth	July 11, 1943
Place of birth	ChoLon
Residency	Phu Nhuan, 227/I Dong Ba
Wife father's name	NGUYEN DINH NHONG
Wife mother's name	NGUYEN THI LIEU DUNG
Date of marriage	March 14, 1964

Extract from the original
Phu Nhuan, March 21, 1964

Certify the authenticity of the
signature of the village Committee.
Phu Nhuan, March 21, 1964

The Civil Status Officer
Signed and Sealed

I hereby certify to the best of my knowledge
and belief that the foregoing translation of
the extract of marriage certificate is true
and accurate.

Oklahoma City, August 2, 1982
For the Vietnamese American Association.

Pham Quan

Pham Quan
Employment Director

Subscribed and sworn to before me
this 2nd day of August 1982.

Charles C. Muzny *Charles C. Muzny*

My Commission Expires Feb. 17, 1985

IV54943

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HẢI THÀNH-PHỐ

TỈNH GIADINH

QUẬN: Tên BinhXÃ: Phu NhuanSố hiệu: IIO

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

LTB

Tên, họ người chồng TRẦN HỮU VINHnghề-nghiep Thiêu-Mỹsinh ngày 10 tháng 5 năm 1939tại Sài Gòncư-sở tại Phu Nhuan, 226/4B Đông Batạm-trú tại -----Tên, họ cha chồng Trần Văn Phái (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Khâu Thị Nương (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ NGUYỄN THỊ NGỌC ANnghề-nghiep Nữ sinhsinh ngày 11 tháng 7 năm 1943tại Chợ Lớncư-sở tại Phu Nhuan, 227/I Đông Batạm-trú tại ---((Tên, họ cha vợ Nguyễn Đình Nhộng (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Nguyễn Thị Liễu-Dung (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Ngày mười bốn tháng ba năm một ngàn
chín trăm sáu mươi bốn, hai lăm giờ (14-3-1964)— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế -----ngày ----- tháng --- năm ----Chứng thực chữ ký tại
ngang đây của Viên Chức

Hôn-Tích

TRÍCH-Y BỒN CHÁNH:

IV 54943

REPUBLIC OF VIETNAM
DEPARTMENT OF JUSTICE

THE CLERK OFFICE OF SAIGON

JUDICIARY SERVICE OF
THE SOUTH VIETNAM.

EXTRACT OF BIRTH REGISTER AT CHOLON

YEAR 1943

No : 6360

Child's name	NGUYEN THI NGOC AN
Sex	Female
Date of birth	July 11, 1943 at 1:30 o'clock
Place of birth	374 Bd Armand Rousseau
Father's name	NGUYEN DINH NHONG
Father's occupation	Business
Father's residence	D'Arres Street
Mother's name	NGUYEN THI LIEU DUNG
Mother's occupation	None
Mother's residence	D'Arres Street
Wife's rank	Legitimate

We, Luong Duc Hop Head Judge of
The Clerk Officer of Saigon
certify the authenticity of the
signature of Tran Thi Canh
Head Clerk of the Local Court.
Saigon, June 28, 1967
Head Judge
Signed and Sealed

Extract from the original
Saigon, June 28, 1967
Civil Status Officer
Signed and Sealed

I hereby certify to the best of my knowledge
and belief that the foregoing translation of
the above statement is true and accurate.

Oklahoma City, August 2, 1982
For the Vietnamese American Association.

Pham Quan

Pham Quan
Employment Director

Subscribed and sworn to before me
this 2 day of August 1982.

Charles C. Muzny

Charles C. Muzny

My Commission Expires Feb. 17, 1985

PHÒNG LỤC-SU' TOÀ SƠ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

CHOLON

(NAM-PHẦN)

(Sud-Viêt-Nam)

NĂM

(Année)

1943

SỐ HIỆU

(Acte No)

6360

Tên, họ đứa con nít . . . (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN THỊ NGỌC AN
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	féminin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	1e onze juillet 1943 à 13h30
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	374 Bd Armand Rousseau
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYỄN VĂN KHUÊ
Cha làm nghề gì (Sa profession)	employé de commerce
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	rue d'Arras
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	NGUYỄN THỊ LIÊN KHUÊ
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	rue d'Arras
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	premier rang

Chúng tôi, Trần Văn Khôi
(Nous, Trần Văn Khôi)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Trần Văn Khôi
(M. Trần Văn Khôi)

Chánh Lục-sư Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Saigon, ngày 10/11

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 10/11

196

CHÁNH LỤC-SƯ
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền : 6992

(Coût)

Biên-lai số : 6992
(Quittance No)

REPUBLIC OF VIET NAM

SAIGON CAPITAL CITY

Administrative

Office of 3 Precinct .

No. 8377

ODP 10 54943
CIVIL STATUS

EXCERPT OF BIRTH REGISTER.

YEAR : 1965

Child's full name	Tran Thi My Ngoc
Sex	Female
Date of birth	September 8, 1965, 4:05 O'clock
Place of birth	Saigon, 75 Cao Thang
Father's name	Tran Huu Vinh
Age	26 Years Old
Occupation	First Lieutenant
Residence	Saigon, 351/56A Truong Minh Giang
Mother's name	Nguyen Thi Ngoc An
Age	22 Years Old
Occupation	Secretary
Residence	Saigon, 351/56A Truong Minh Giang
Wife's rank	Legitimate Wife

Done at, Saigon, September 9, 1965
Certified a true copy from the original

Saigon, February 19, 1966
For the Chief Administrator
of the 3 Precinct.

Certified a correct translation from
the original in Vietnamese, to the best of
my knowledge and belief.

Oklahoma City, August 4, 1982

For the Vietnamese American Association

Pham Quan

Pham Quan
Employment Director

Subscribed and sworn to before me
this 4 day of August 1982.

Charles C. Muzny *Charles C. Muzny*

My Commission Expires Feb. 17, 1985

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN 3

Số hiệu : 8377

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm (1965)

Tên, họ đứa nhỏ.	Trần thị Mỹ-Ngọc
Phái	NỮ
Ngày sanh.	Tám tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm, 4 giờ 05
Nơi sanh.	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha	Trần hữu Vinh
Tuổi	Hai mươi sáu
Nghề-nghiệp.	Thiếu úy
Nơi cư-ngụ	Saigon, 351/56A Trương Minh Giảng
Tên, họ người mẹ.	Nguyễn thị Ngọc-An
Tuổi	Hai mươi hai
Nghề-nghiệp.	Thơ kỹ
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 351/56A Trương Minh Giảng
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 9 tháng 9 năm 1965

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

H/6

Saigon, ngày 19 tháng 2 năm 1966

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN 3

MIỄN LỆ-PHÍ
Đã nộp Hết-Sơ Quân-Đội

NGUYỄN-THUỐC-HÒA

REPUBLIC OF VIET NAM

SAIGON CAPITAL CITY

Administrative

Office of 3 Precinct .

No. 1741

02P 1V 54943
CIVIL STATUS

EXCERPT OF BIRTH REGISTER.

YEAR : 1967

Child's full name	Tran Huu Nghia
Sex	Male
Date of birth	February 19, 1967
Place of birth	75 Cao Thang, Saigon
Father's name	Tran Huu Vinh
Age	28
Occupation	First Lieutenant
Residence	351/56H Truong Minh Giang, Saigon
Mother's name	Nguyen Thi Ngoc An
Age	24
Occupation	House Wife
Residence	351/56H Truong Minh Giang, Saigon
Wife's rank	Legitimate

Done at, Saigon February 21, 1967

Certified a true copy from the original

Saigon March 9, 1971

For the Chief Administrator
of the 3 Precinct.

Certified a correct translation from
the original in Vietnamese, to the best of
my knowledge and belief.

Oklahoma City, August 4, 1982.

For the Vietnamese American Association

Pham Quan

Pham Quan
Employment Director

Subscribed and sworn to before me
this 4 day of 1982.

Charles C. Muzny *Charles C. Muzny*

My Commission Expires Feb. 17, 1985

ĐỒ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

80P IV 54943

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN BA

HỘ-TỊCH

Số hiệu : 1741

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (1967)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Trần Hữu Nghĩa
Phái	Nam
Ngày sanh	Mười chín tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 1967
Nơi sanh	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha. . .	Trần Hữu Vĩnh
Tuổi	Hai mươi tám
Nghề-nghiệp	Trung úy QLVNCH
Nơi cư-ngụ	Saigon, 351/568 Trương Minh Giảng
Tên, họ người mẹ . . .	Nguyễn Thị Ngọc-An
Tuổi	Hai mươi bốn
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 351/568 Trương Minh Giảng
Vợ chánh hay thứ . . .	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 21 tháng 2 năm 1967

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 9 tháng 3 năm 1967

QUẬN TRƯỞNG QUẢN

Kear

REPUBLIC OF VIET NAM
SAIGON CAPITAL CITY
Administrative
Office of 3 Precinct .
No. 8058

OPV 54943
CIVIL STATUS

EXCERPT OF BIRTH REGISTER.

YEAR : 1970

Child's full name	Tran Huu Duc
Sex	Male
Date of birth	October 22, 1970, 3:30 O'clock
Place of birth	Saigon, 75 Cao Thang
Father's name	Tran Huu Vinh
Age	31 Years Old
Occupation	Captain
Residence	Saigon, 351/56 Truong Minh Giang
Mother's name	Nguyen Thi Ngoc An
Age	27 Years Old
Occupation	Housewife
Residence	Saigon, 351/56 Truong Minh Giang
Wife's rank	Legitimate Wife

Done at, Saigon, October 26, 1970
Certified a true copy from the original

Saigon, October 29, 1970
For the Chief Administrator
of the 3 Precinct.

Certified a correct translation from
the original in Vietnamese, to the best of
my knowledge and belief.

Oklahoma City, August 4, 1982
For the Vietnamese American Association

Pham Quan

Pham Quan
Employment Director

Subscribed and sworn to before me
this 4 day of August 1982.

Charles C. Muzny

Charles C. Muzny

My Commission Expires Feb. 17, 1985

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN **HA****HỘ-TỊCH**Số hiệu : **8058**

*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH**bảy mươi (1970)**

Năm một ngàn chín trăm

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Trần hữu Đức
Phái	Nam
Ngày-sanh	Hai mươi hai tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi, 361050
Nơi sanh	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha. . .	Trần hữu Vinh
Tuổi	Ba mươi mốt
Nghề-nghiep	Đại úy QLVNCH
Nơi cư-ngụ	Saigon, 351/56 Trương Minh Giảng
Tên, họ người mẹ . . .	Nguyễn thị Ngọc-An
Tuổi	Hai mươi bảy
Nghề-nghiep	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 351/56 Trương Minh Giảng
Vợ chánh hay thứ . . .	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày **26** tháng **10** năm 19**70****TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH :**Saigon, ngày **29** tháng **10** năm 19**70**
TL. QUẬN . TRƯỞNG QUẬN*Heaut*

BỘ MẠCH

Số hiệu : 1741

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (1967)

Tên, họ đứa nhỏ	Trần Hữu Nghĩa
Phái	Nam
Ngày sanh	Mười chín tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 1967
Nơi sanh	Saigon, T5 Cao Thắng
Tên, họ người Cha. . .	Trần Hữu Vĩnh
Tuổi	Hai mươi tám
Nghề-nghiệp	Trung úy QLVNCH
Nơi cư-ngụ	Saigon, 351/36H Trương Minh Giảng
Tên, họ người mẹ . . .	Nguyễn thị Ngọc-An
Tuổi	Hai mươi bốn
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 351/36H Trương Minh Giảng
Vợ chánh hay thứ . .	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 21 tháng 2 năm 1967

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 9 tháng 3 năm 1967

QUẬN TRƯỞNG QUẬN

Heau

TRẦN HỮU VINH

F POW

5-10-1939

MAJOR

Sponsor

ODP

TRẦN VĂN THIÊN

OKL. City, OK 73132

10/28/84

A handwritten signature in cursive script, appearing to be 'Chh', with a long horizontal line underneath it.